

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**Kết thúc ngày 30/06/2016**

**Được soát xét bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K**

## MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 – 02
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	03 – 04
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	- Báo cáo thu nhập toàn diện	05 – 06
	- Báo cáo tình hình tài chính	07 – 10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
	- Bàn thuyết minh báo cáo tài chính	14 – 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty.

### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

### **Các đơn vị trực thuộc**

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo**

### **Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Ông Ninh Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên

### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.



**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch nào khác có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho kỳ kế toán này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam**



**NGUYỄN THANH TUYỀN**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2016





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Website: www.kiemtoanhanglongtdk.com  
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 112.11.2016/BCKT - TC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. -

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán số 082016/HĐHĐT-VIS, 012016/HĐHĐT-VIS, 142016/HĐHĐT-VIS với tổng giá trị 16.012.404.000 VND, để đảm bảo rủi ro 2 bên thống nhất thanh lý các hợp đồng này trước hạn. Ngày 9/8/2016, Công ty đã thu hồi được toàn bộ các khoản đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng.
- Tại ngày 30/06/2016, giá trị khoản đầu tư vào cổ phiếu TIP (sàn HOSE) là 15.567.798.650 VND chiếm tỷ lệ 25,66% vốn chủ sở hữu đã vượt tỷ lệ quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-TC và Thông tư số 07/2016/TT-BTC về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC” của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, theo giải trình của Ban Giám đốc thì Công ty đang làm thủ tục tăng vốn lên 300 tỷ đồng theo đó giá trị khoản đầu tư này chỉ chiếm khoảng 5% vốn chủ sở hữu (Công ty đã gửi hồ sơ đến UBCK và đã nhận được quyết định số 4495/UBCK-QLKD của UBCK về việc bổ sung hồ sơ) nên Công ty không thực hiện xử lý giảm giá trị khoản đầu tư.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh



trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Phó Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1129-2014-045-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>7.45</b>		
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		1.690.058.730	1.381.432.700
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>7.45.1</i>	<i>0</i>	<i>72.300</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>7.45.4</i>	<i>1.690.058.730</i>	<i>1.381.360.400</i>
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	6	7.45.5	8.959.523.881	6.548.114.963
1.8. Doanh thu tư vấn	8	7.45.5	11.374.967.832	7.415.556.011
1.10. Doanh thu lưu ký chứng khoán	10	7.45.5	398.383.641	315.971.296
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	7.45.5	184.344.305	480.685.467
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>22.607.278.389</b>	<b>16.141.760.437</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>7.47</b>		
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	21	7.47.1	6.905.700.168	(65.487.279)
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.2</i>		<i>6.905.700.168</i>	<i>(65.487.279)</i>
2.3. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	23	7.47.1	4.421.547.354	4.020.769.777
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	7.47.1	0	2.000
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27	7.47.1	5.461.311.475	3.341.312.321
2.9. Chi phí tư vấn	29	7.47.1	358.244.403	0
2.11. Chi phí lưu ký chứng khoán	31	7.47.1	406.912.052	180.385.051
2.12. Chi phí khác	32	7.47.2	1.295.484.361	1.197.005.875
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>18.849.199.813</b>	<b>8.673.987.745</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>7.46</b>		
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		248.214.805	161.214.944
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>248.214.805</b>	<b>161.214.944</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		<b>7.48</b>		
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>	<b>7.49</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>7.50</b>	<b>5.835.687.343</b>	<b>6.848.513.386</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>(1.829.393.962)</b>	<b>780.474.250</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	7.51	3.637.035	39.189.373
8.2. Chi phí khác	72	7.52	141.160.000	23.757.475
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(137.522.965)</b>	<b>15.431.898</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>(1.966.916.927)</b>	<b>795.906.148</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(2.818.332.723)	586.541.608
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		851.415.796	209.364.540
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>	<b>7.44</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>200</b>		<b>(1.966.916.927)</b>	<b>795.906.148</b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>185.074.350.224</b>	<b>188.721.043.617</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>174.627.342.198</b>	<b>181.750.537.199</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	1.873.742.657	6.016.528.255
1.1. Tiền	111.1		1.873.742.657	6.016.528.255
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	31.582.717.133	31.582.717.133
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3.6	(9.124.519.168)	(2.241.656.230)
7. Các khoản phải thu	117		37.836.164.860	37.859.002.090
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	7.5.1	37.836.164.860	37.859.002.090
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.5.5	109.872.366.207	107.014.554.959
12. Các khoản phải thu khác	122	7.5.7	9.887.036.466	8.819.556.949
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6	(7.300.165.957)	(7.300.165.957)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>10.447.008.026</b>	<b>6.970.506.418</b>
1. Tạm ứng	131		8.769.700.649	6.053.192.760
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.21.1	343.450.906	107.933.003
5. Tài sản ngắn hạn khác	135		1.333.856.471	809.380.655
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.078.648.836</b>	<b>4.346.971.837</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>900.000.000</b>	<b>900.000.000</b>
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	212.3	900.000.000	900.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>977.355.882</b>	<b>2.123.775.749</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.18	648.664.472	1.227.285.907
- Nguyên giá	222		26.696.165.595	26.696.165.595
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(26.047.501.123)	(25.468.879.688)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.19	328.691.410	896.489.842
- Nguyên giá	228		12.722.194.332	12.677.194.332
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(12.393.502.922)	(11.780.704.490)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>2.201.292.954</b>	<b>1.323.196.088</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		520.540.227	515.540.227
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.21.2	316.851.364	319.735.800
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.22	1.363.901.363	487.920.061
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>189.152.999.060</b>	<b>193.068.015.454</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>128.480.045.529</b>	<b>129.879.398.933</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.943.552.258</b>	<b>129.413.691.382</b>
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	7.20	95.929.000.000	77.750.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		95.929.000.000	77.750.000.000
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		16.423.122.782	16.665.622.782
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		303.000.000	121.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.11	702.873.536	666.682.316
11. Phải trả người lao động	323		13.076.577	12.552.469
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		45.404.992	28.713.017
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.13	3.233.861.133	2.426.267.909
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		166.461.396	166.461.396
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		10.665.511.304	31.576.391.493
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		461.240.538	0
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>536.493.271</b>	<b>465.707.551</b>
13. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư	355		536.493.271	465.707.551
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>60.672.953.531</b>	<b>63.188.616.521</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>60.672.953.531</b>	<b>63.188.616.521</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		60.000.000.000	60.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		60.000.000.000	60.000.000.000
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		137.186.516	0
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		159.130.218	120.690.361
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		2.019.357.878	0
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.24	(1.642.721.081)	3.067.926.160
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(2.494.136.877)	2.216.510.364
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		851.415.796	851.415.796
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>430</b>		<b>60.672.953.531</b>	<b>63.188.616.521</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>189.152.999.060</b>	<b>193.068.015.454</b>
<b>LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>450</b>			
1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	451	7.25	0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			<b>75.811.030.000</b>	<b>75.811.480.000</b>
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		60.000.000.000	60.000.000.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.27	7.019.330.000	7.019.780.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>3.239.330.000</i>	<i>3.239.780.000</i>
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>008.3</i>		<i>3.780.000.000</i>	<i>3.780.000.000</i>
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.31	8.791.700.000	8.791.700.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<b>Số lượng chứng khoán</b>			<b>124.770.898</b>	<b>114.477.213</b>
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.34	122.219.719	112.646.535
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>79.920.141</i>	<i>77.303.098</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>1.358.750</i>	<i>4.849</i>
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>39.828.668</i>	<i>32.928.668</i>
<i>d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>021.4</i>		<i>360</i>	<i>0</i>
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>1.111.800</i>	<i>2.409.920</i>
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.35	2.551.179	1.830.678
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>1.841.179</i>	<i>1.830.678</i>
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>		<i>710.000</i>	<i>0</i>
<b>Đơn vị tính: VND</b>				
6. Tiền gửi của khách hàng	026	7.39	82.850.453.958	37.835.293.810
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		82.834.047.574	37.830.504.060
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>027.1</i>		<i>82.834.047.574</i>	<i>37.830.504.060</i>
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng			4.306.734	0
6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	029	7.40	12.099.650	4.789.750
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030	7.41	82.838.552.265	37.830.504.060
<i>7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.1</i>		<i>81.406.140.818</i>	<i>36.266.945.688</i>
<i>7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.2</i>		<i>1.432.411.447</i>	<i>1.563.558.372</i>
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		12.099.650	4.789.750



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

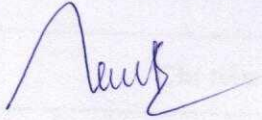
Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP

NGUYỄN THANH TUYỀN

Mã số	Tên tài khoản	Đơn vị tính	Giá trị tính theo VND	Giá trị tính theo USD
1	Tổng tài sản		1.692.256.730	159.072.310
2	Tổng nợ và vốn chủ sở hữu		1.692.256.730	159.072.310
3	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
4	Cổ tức đã nhận		1.692.256.730	159.072.310
5	Tiền chi trả thuế		1.692.256.730	159.072.310
6	Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		1.692.256.730	159.072.310
7	Tiền chi trả bổ sung vốn điều lệ và vốn CTCK		1.692.256.730	159.072.310
8	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp CTCK		1.692.256.730	159.072.310
9	Tiền chi nộp thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
10	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
11	Tiền chi thuế chi phí quản lý hoạt động		1.692.256.730	159.072.310
12	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.692.256.730	159.072.310
13	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.692.256.730	159.072.310
14	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.692.256.730	159.072.310
15	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
16	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
17	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
18	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
19	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
20	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
21	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
22	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
23	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
24	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
25	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
26	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
27	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
28	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
29	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
30	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
31	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
32	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
33	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
34	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
35	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
36	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
37	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
38	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
39	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
40	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
41	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
42	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
43	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
44	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
45	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
46	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
47	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
48	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
49	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
50	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
51	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
52	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
53	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
54	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
55	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
56	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
57	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
58	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310
59	Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân		1.692.256.730	159.072.310
60	Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp		1.692.256.730	159.072.310



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(30.000.000.000)	(6.000.000.000)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		30.044.000.000	6.000.000.000
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(849.094.357)	(365.882.428)
4. Cổ tức đã nhận	04		1.690.058.730	1.382.673.243
5. Tiền lãi đã thu	05		87.565.334	159.177.311
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(3.567.908.452)	(2.952.563.000)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(5.449.791.002)	(3.651.514.187)
8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	08		(3.186.503.768)	(2.146.468.022)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10		1.192.703.549.827	501.807.914.409
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(1.181.896.788.072)	(530.163.953.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(424.911.760)</b>	<b>(35.930.616.340)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		1.363.636	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		89.762.526	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>91.126.162</b>	<b>0</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay gốc	33		988.354.079.003	205.809.000.000
3.2. Tiền vay khác	33.2		988.354.079.003	205.809.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(992.163.079.003)	(178.409.000.000)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	37		(992.163.079.003)	(178.409.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.809.000.000)</b>	<b>27.400.000.000</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.142.785.598)</b>	<b>(8.530.616.340)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.016.528.255</b>	<b>29.876.401.470</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	61		6.016.528.255	29.876.401.470
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	62		6.016.528.255	29.876.401.470
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>		<b>1.873.742.657</b>	<b>21.345.785.130</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	71		1.873.742.657	21.345.785.130
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	72		1.873.742.657	21.345.785.130



**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.845.573.995.900	1.933.269.651.900
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.837.060.770.000)	(1.873.911.893.400)
5. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	05		2.712.467.072.639	1.290.205.739.218
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06		(2.675.972.448.291)	(1.321.013.907.324)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		246.843.379.976	41.389.694.892
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(246.836.070.076)	(42.380.439.577)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>45.015.160.148</b>	<b>27.558.845.709</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>37.835.293.810</b>	<b>52.020.220.118</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		37.830.504.060	52.020.220.118
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó có kỳ hạn:	32		37.830.504.060	52.020.220.118
Tiền gửi của tổ chức phát hành Trong đó có kỳ hạn	36		4.789.750	
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>82.850.453.958</b>	<b>79.579.065.827</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		82.838.354.308	78.588.321.142
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		82.834.047.574	78.588.321.142
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44		4.306.734	0
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	46		12.099.650	990.744.685

Người lập



NGUYỄN QUỲNH MAI

Kế toán trưởng



NGUYỄN BÍCH DIỆP

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH TUYỀN



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/ giảm			Số dư cuối		Đơn vị tính: VND
		Tại 01/01/2015	Tại 01/01/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Tại 30/06/2015	Tại 30/06/2016		
		A	B	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
1.1. Vốn pháp định		60.000.000.000	60.000.000.000	0	0	0	0	60.000.000.000	60.000.000.000
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		0	0	0	0	0	0	0	0
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		0	21.943.702	21.943.702	0	137.186.516	0	0	137.186.516
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	98.746.659	98.746.659	0	1.920.611.219	0	98.746.659	2.019.357.878
8. Lợi nhuận chưa phân phối		543.632.865	3.067.926.160	795.906.148	219.437.019	0	4.710.647.241	1.120.101.994	(1.642.721.081)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		334.268.325	2.216.510.364	795.906.148	219.437.019	0	4.710.647.241	910.737.454	(2.494.136.877)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		209.364.540	851.415.796	0	0	0	0	209.364.540	851.415.796
<b>Cộng</b>		<b>60.543.632.865</b>	<b>63.188.616.521</b>	<b>916.596.509</b>	<b>219.437.019</b>	<b>2.194.984.251</b>	<b>4.710.647.241</b>	<b>61.240.792.355</b>	<b>60.672.953.531</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
<b>Cộng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Người lập



**NGUYỄN QUỲNH MAI**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN BÍCH DIỆP**

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc




**NGUYỄN THANH TUYẾN**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

#### **1.2. Địa chỉ liên hệ:**

- Tại Hà Nội: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

- Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 09 - Phó Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.3. Điều lệ hoạt động CTCK:** Ban hành ngày 15/09/2014.

#### **1.4. Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính.

#### **1.5. Quy mô vốn**

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

**1.6. Hạn chế đầu tư và cho vay:** thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

#### **2.1. Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND (Ký hiệu là VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng:**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

## **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

#### **4.1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **4.1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận các tài sản tài chính:**

#### **4.2.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

#### **4.2.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà công ty chứng khoán có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn phải được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

### 4.2.3. Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm:

+ Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

Các khoản cho vay được Công ty thực hiện phân loại theo hai phương pháp: định tính và định lượng theo 05 nhóm theo quy định, như sau:

+ Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn thực hiện cam kết vay;

+ Nhóm 2: Nợ cần chú ý;

+ Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn;

+ Nhóm 4: Nợ nghi ngờ;

+ Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn.

Công ty có quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền cho vay, chính sách dự phòng rủi ro.

Khi phát sinh rủi ro cho vay là tổn thất có khả năng xảy ra nếu khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các cam kết vay thì Công ty thực hiện lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra. Mức trích lập cụ thể được thực hiện theo quy định của Thông tư số 210/2014.

### 4.2.4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán, được công ty chứng khoán đầu tư nhưng không có mục tiêu ngắn hạn và kể cả dài hạn cũng chưa xác định được.

Xác định giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (bao gồm cả các công cụ phái sinh) theo giá trị hợp ký mà không được giảm trừ cho bất kỳ khoản chi phí giao dịch nào có thể phát sinh trong quá trình bán và thanh lý các tài sản này, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy (những tài sản này phản ánh theo giá gốc).

### 4.2.5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính:

a, Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left( \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array} \right)$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

b, Cuối niên độ kế toán, khi giá trị của tài sản nhận thế chấp (tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý) bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay thì lập dự phòng giảm giá tài sản thế chấp.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá các tài} \\ \text{sản tài chính} \\ \text{nhận thế chấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản cho vay tính} \\ \text{theo giá trị trường hoặc giá trị} \\ \text{hợp lý theo cam kết tại Hợp} \\ \text{đồng vay có tài sản thế chấp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản thuần của tài} \\ \text{sản nhận thế chấp tính theo} \\ \text{giá trị thị trường hoặc giá} \\ \text{trị hợp lý} \end{array}$$

## 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

### 4.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

**Phải thu bán các tài sản tài chính bao gồm:** phải thu về bán, thu hồi khi đáo hạn khoặc thanh lý các tài sản tài chính; giá trị khớp lệnh bán các tài sản tài chính; thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư...

**Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp bao gồm:** các khoản phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các đối tượng khác về phí môi giới, phí tư vấn, phí lưu ký, phí bảo lãnh và các loại phí của các dịch vụ khác do công ty chứng khoán cung cấp.

### 4.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ khó đòi được xác định như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

## 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Phần mềm tin học	20 năm



#### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thuê nhà.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### ***Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.***

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

#### ***Phải trả tổ chức phát hành***

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

#### ***Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán***

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

#### ***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

#### **4.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.



#### **4.8. Nguyên tắc trích lập dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập 1% từ hoa hồng nhập lệnh của nhân viên nhập lệnh ( hoa hồng nhập lệnh 5% , trích quỹ 1% nhân viên nhập lệnh 4%) được quy định cụ thể tại quy chế tài chính của Công ty. Việc sử dụng quỹ này được quy định tại quy chế của công ty khi nhân viên nhập lệnh mua sai sẽ trích 80% từ quỹ dự phòng và 20% nhân viên nhập lệnh sai chịu ( nếu quỹ dự phòng vẫn còn), nhân viên nhập lệnh phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% nếu như quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư không còn.

#### **4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

**4.9.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo phương án hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC) đã được thông qua tại Biên bản làm việc ngày 02/01/2014. Theo đó công ty hợp nhất sẽ lấy tên, thương hiệu và hoạt động trên nền tảng nhà đầu tư, sản phẩm, công nghệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) với tổng tài sản trên 410 tỷ đồng và vốn điều lệ 60 tỷ đồng.

**4.9.2. Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:** được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

**4.9.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:** là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, bao gồm: Lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

#### **4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

##### **4.10.1. Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh**

**Thu nhập bán các tài sản tài chính:** được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra

**Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:** Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

##### **4.10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

**Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán:** Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

**Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh:** Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

**Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành:** Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

**Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán:** là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

**Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:** là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

**Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:** là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

**Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính:** là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

**4.10.3. Doanh thu hoạt động tài chính** gồm các loại sau:

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý CTCK.**

**4.11.1. Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh:** bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

**4.11.2. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:** phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

**4.11.3. Chi phí hoạt động tài chính** bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**4.11.4. Chi phí quản lý CTCK:** phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

**4.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



#### **4.13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

### **5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK**

#### **5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

#### **5.2. Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

#### **5.3. Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

### **5.4. Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai củ mộ công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công vụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

### **5.5. Rủi ro tiền tệ:**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng như cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

### **5.6 Các rủi ro về giá**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng ( hoặc giảm ) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng ( hoặc giảm ) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

## **6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK**

Chưa áp dụng do Chế độ kế toán chưa cho phép áp dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

**A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Tiền mặt tại quỹ	259.746	259.746
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.873.482.911	6.016.268.509
<b>Cộng</b>	<b>1.873.742.657</b>	<b>6.016.528.255</b>

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện 06 tháng đầu năm		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện 06 tháng đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>a. Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>50</b>	<b>22</b>	<b>1.500.000</b>	<b>161.700</b>
- Cổ phiếu	50	22	1.500.000	161.700
- Trái phiếu	0	0	0	0
- Chứng khoán khác	0	0	0	0
<b>b. Cửa nhà đầu tư</b>	<b>655.493.586</b>	<b>258.669.119</b>	<b>5.667.227.073.500</b>	<b>3.823.169.645.300</b>
- Cổ phiếu	655.493.586	258.669.119	5.667.227.073.500	3.823.169.645.300
- Trái phiếu	0	0	0	0
- Chứng khoán khác	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>655.493.636</b>	<b>258.669.141</b>	<b>5.667.228.573.500</b>	<b>3.823.169.807.000</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính**

**7.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu niêm yết	26.590.417.133	19.994.937.800	3.322.618.483	1.080.962.253
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.991.700.000	4.991.700.000	28.259.498.650	28.259.498.650
- Trái phiếu niêm yết	600.000	600.000	600.000	600.000
<b>Cộng</b>	<b>31.582.717.133</b>	<b>24.987.237.800</b>	<b>31.582.717.133</b>	<b>29.341.060.903</b>



**7.3.6. Về tình hình lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính:**

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá số sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>						
1	Cổ phiếu NY	1.401.274	26.590.417.133	19.994.937.800	9.124.519.168	2.241.656.230	6.882.862.938
-	TNB	132.320	3.293.628.000	1.124.720.000	2.168.908.000	2.235.017.120	(66.109.120)
-	TIP	567.000	15.567.798.650	8.618.400.000	6.949.398.650	0	6.949.398.650
-	CLH	700.000	7.700.000.000	10.220.000.000	0	0	0
-	CP lô lẻ khác	1.954	28.990.483	31.817.800	6.212.518	6.639.110	(426.592)
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu CNY</b>	<b>179.170</b>	<b>4.991.700.000</b>	<b>4.991.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Công ty CP XD Bảo tàng HCM	29.170	1.091.700.000	1.091.700.000	0	0	0
-	Công ty CP kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng (Cotec)	150.000	3.900.000.000	3.900.000.000	0	0	0
<b>3</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>6</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	DBC	6	600.000	600.000	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>1.580.450</b>	<b>31.582.717.133</b>	<b>24.987.237.800</b>	<b>9.124.519.168</b>	<b>2.241.656.230</b>	<b>6.882.862.938</b>
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>TSTC cho vay</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Cộng</b>	<b>1.580.450</b>	<b>31.582.717.133</b>	<b>24.987.237.800</b>	<b>9.124.519.168</b>	<b>2.241.656.230</b>	<b>6.882.862.938</b>

- 378.000 cổ phiếu TIP đang được cầm cố tại OCB để đảm bảo cho khoản vay



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***A.7.5. Các khoản phải thu****7.5.1. Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư**

- Phải thu bán các tài sản tài chính

**Cộng***Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi***7.5.5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán

- Phải thu hoạt động tư vấn

- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán

- Phải thu dịch vụ khác

**Cộng****7.5.7. Phải thu khác**

- Phải thu khác

**Cộng***Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi*

- Nguyễn Thị Hà Phương

- Đặng Vũ Thành

- Các đối tượng khác

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	<u>37.836.164.860</u>	<u>37.859.002.090</u>
	<b>37.836.164.860</b>	<b>37.859.002.090</b>
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	<u>108.782.035</u>	<u>27.423.128</u>
	<u>139.552.440</u>	<u>0</u>
	<u>168.693</u>	<u>207.355</u>
	<u>109.623.863.039</u>	<u>106.986.924.476</u>
	<b>109.872.366.207</b>	<b>107.014.554.959</b>
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	<u>9.887.036.466</u>	<u>8.819.556.949</u>
	<b>9.887.036.466</b>	<b>8.819.556.949</b>
	<u>7.300.165.957</u>	<u>7.300.165.957</u>
	<u>3.385.810.294</u>	<u>3.385.810.294</u>
	<u>3.722.325.349</u>	<u>3.722.325.349</u>
	<u>192.030.314</u>	<u>192.030.314</u>



**A.7.6. Dự phòng phải thu khó đòi**

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Kỳ này			Kỳ trước					
				Số đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ	
<b>1</b>	<b>Dự phòng khó đòi phải thu khác</b>											
	- Nguyễn Thị Hà Phương	3.385.810.294		3.385.810.294	0	0	3.385.810.294	3.385.810.294	0	0	0	3.385.810.294
	- Đặng Vũ Thành	3.722.325.349		3.722.325.349	0	0	3.722.325.349	3.722.325.349	0	0	0	3.722.325.349
	- Các đối tượng khác	192.030.314		192.030.314	0	0	192.030.314	192.030.314	0	0	0	192.030.314
	<b>Cộng</b>	<b>7.300.165.957</b>		<b>7.300.165.957</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.300.165.957</b>	<b>7.300.165.957</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.300.165.957</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
<b>A.7.10. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</b>		
- Phải trả hộ cổ từ, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	12.099.650	4.789.750
<b>Cộng</b>	<b>12.099.650</b>	<b>4.789.750</b>
<b>A.7.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng	13.415.622	4.980.781
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	171.098.807
- Thuế thu nhập cá nhân	689.457.914	490.602.728
<b>Cộng</b>	<b>702.873.536</b>	<b>666.682.316</b>
<b>A.7.13. Chi phí phải trả</b>		
- Trích trước chi phí lãi vay	1.266.337.502	112.641.389
+ Trích trước lãi vay tổ chức tín dụng	61.805.556	72.500.000
+ Trích trước lãi vay tài sản tài chính	1.204.531.946	40.141.389
- Trích trước - Chi phí tư vấn pháp luật	20.000.000	5.000.000
+ Trích trước - Chi phí tư vấn khác	20.000.000	5.000.000
- Trích trước - Chi phí quản lý CTCK	1.947.523.631	2.308.626.520
+ Trích trước - Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.930.309.056	1.905.856.771
+ Trích trước - Phí dịch vụ quản lý khác	17.214.575	402.769.749
<b>Cộng</b>	<b>3.233.861.133</b>	<b>2.426.267.909</b>
<b>A.7.15. Phải trả người bán</b>		
- Tổng công ty xây dựng số 1	16.418.319.982	16.418.319.982
- Các đối tượng khác	4.802.800	247.302.800
<b>Cộng</b>	<b>16.423.122.782</b>	<b>16.665.622.782</b>
<b>A.7.16. Phải trả, phải nộp khác</b>		
- Cổ tức phải trả cổ đông VIS	1.757.915.831	1.757.915.831
- Phải trả OSC về ứng trước tiền bán CK	4.195.000.000	26.183.000.000
- Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
- Các khoản khác	3.162.595.473	2.085.475.662
<b>Cộng</b>	<b>10.665.511.304</b>	<b>31.576.391.493</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***A.7.18. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b><i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i></b>			
Tại ngày 01/01/2016	24.960.505.615	1.735.659.980	26.696.165.595
Tại ngày 30/06/2016	24.960.505.615	1.735.659.980	26.696.165.595
<b><i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i></b>			
Tại ngày 01/01/2016	24.064.332.298	1.404.547.390	25.468.879.688
- Khấu hao trong kỳ	476.719.823	96.874.998	573.594.821
- Tăng khác	5.026.614	0	5.026.614
Tại ngày 30/06/2016	24.546.078.735	1.501.422.388	26.047.501.123
<b><i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i></b>			
Tại ngày 01/01/2016	896.173.317	331.112.590	1.227.285.907
Tại ngày 30/06/2016	414.426.880	234.237.592	648.664.472

**A.7.19. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<b><i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i></b>		
Tại ngày 01/01/2016	12.677.194.332	12.677.194.332
- Mua trong năm	45.000.000	45.000.000
Tại ngày 30/06/2016	12.722.194.332	12.722.194.332
<b><i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i></b>		
Tại ngày 01/01/2016	11.780.704.490	11.780.704.490
- Khấu hao trong năm	617.825.046	617.825.046
- Giảm khác	5.026.614	5.026.614
Tại ngày 30/06/2016	12.393.502.922	12.393.502.922
<b><i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i></b>		
Tại ngày 01/01/2016	896.489.842	896.489.842
Tại ngày 30/06/2016	328.691.410	328.691.410



**A.7.20. Vay ngắn hạn**

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>- Vay ngân hàng:</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>84.392.079.003</b>	<b>84.392.079.003</b>	<b>50.000.000.000</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6%	-	84.392.079.003	84.392.079.003	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	8.7% - 8.9%	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
<b>- Vay tổ chức, cá nhân</b>		<b>27.750.000.000</b>	<b>57.079.000.000</b>	<b>38.900.000.000</b>	<b>45.929.000.000</b>
+ Công ty CP PT Hạ Tầng KCN Tây Ninh	8.5%	24.000.000.000		24.000.000.000	-
+ Công ty CP Thực Phẩm Xanh	8.5%		42.000.000.000	12.000.000.000	30.000.000.000
+ Vay cá nhân khác	8% - 8.5%	3.750.000.000	15.079.000.000	2.900.000.000	15.929.000.000
<b>Cộng</b>		<b>77.750.000.000</b>	<b>141.471.079.003</b>	<b>123.292.079.003</b>	<b>95.929.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
<b>A.7.21. Chi phí trả trước</b>		
<b>7.21.1. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>343.450.906</b>	<b>107.933.003</b>
- Chi phí trả trước tiền thuê Văn phòng	78.964.704	78.964.700
- Chi phí trả trước định kỳ hàng năm cho HOSE, HNX, VSD	208.999.990	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	55.486.212	28.968.303
<b>7.21.1. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>316.851.364</b>	<b>319.735.800</b>
- Chi phí trả trước CCDC	294.447.196	286.667.990
- Chi phí trả trước dài hạn khác	22.404.168	33.067.810
<b>Cộng</b>	<b>660.302.270</b>	<b>427.668.803</b>
<b>A.7.22. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán</b>		
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	1.243.901.363	365.882.428
- Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	0	2.037.633
<b>Cộng</b>	<b>1.363.901.363</b>	<b>487.920.061</b>
<b>A.7.24. Lợi nhuận chưa phân phối</b>		
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(2.494.136.877)	2.216.510.364
- Lợi nhuận chưa thực hiện	851.415.796	851.415.796
<b>Cộng</b>	<b>(1.642.721.081)</b>	<b>3.067.926.160</b>
<b>A.7.26. Các tài sản đã cầm cố, thế chấp</b>		
Ngắn hạn		
- 378.000 cổ phiếu TIP (cầm cố tại OCB để đảm bảo cho khoản vay)	10.378.532.433	15.567.798.650
<b>Cộng</b>	<b>10.378.532.433</b>	<b>15.567.798.650</b>
<b>A.7.27. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK</b>		
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.239.330.000	3.239.780.000
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.780.000.000	3.780.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.019.330.000</b>	<b>7.019.780.000</b>
<b>A.7.31. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK</b>		
- Cổ phiếu	8.791.700.000	8.791.700.000
<b>Cộng</b>	<b>8.791.700.000</b>	<b>8.791.700.000</b>
<b>A.7.34. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư</b>		
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	79.920.141	77.303.098
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.358.750	4.849
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	39.828.668	32.928.668
4. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	360	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.111.800	2.409.920
<b>Cộng</b>	<b>122.219.719</b>	<b>112.646.535</b>
<b>A.7.35. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư</b>	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.841.179	1.830.678
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	710.000	0
<b>Cộng</b>	<b>2.551.179</b>	<b>1.830.678</b>
<b>A.7.39. Tiền gửi của Nhà đầu tư</b>	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	82.834.245.531	37.830.504.060
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	81.401.834.084	36.266.945.688
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.432.411.447	1.563.558.372
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	4.306.734	0
<b>Cộng</b>	<b>82.838.552.265</b>	<b>37.830.504.060</b>
<b>A.7.40. Tiền gửi của Tổ chức phát hành</b>	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
- Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	12.099.650	4.789.750
<b>Cộng</b>	<b>12.099.650</b>	<b>4.789.750</b>
<b>A.7.41. Phải trả Nhà đầu tư</b>	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	82.838.552.265	37.830.504.060
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	81.406.140.818	36.266.945.688
1.2. Của Nhà đầu tư trong nước	1.432.411.447	1.563.558.372
<b>Cộng</b>	<b>82.838.552.265</b>	<b>37.830.504.060</b>
<b>A.7.42. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK</b>	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
1. Phải trả phí môi giới chứng khoán	108.782.035	27.423.128
2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán	168.693	207.355
3. Phải trả phí tư vấn đầu tư	139.522.440	124.217.730
<b>Cộng</b>	<b>248.473.168</b>	<b>151.848.213</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN**

Đơn vị tính: VND

**B.7.45. Thu nhập****7.45.4. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Từ tài sản tài chính FVTPL:	1.690.058.730	1.381.360.400
<b>Cộng</b>	<b>1.690.058.730</b>	<b>1.381.360.400</b>

**7.45.5. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

Các loại doanh thu khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>1. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</b>		
- Doanh thu ban đầu	8.959.523.881	6.548.114.963
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	8.959.523.881	6.548.114.963
<b>3. Doanh thu tư vấn</b>		
- Doanh thu ban đầu	11.374.967.832	7.415.556.011
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	11.374.967.832	7.415.556.011
<b>5. Doanh thu lưu ký</b>		
- Doanh thu ban đầu	398.383.641	315.971.296
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	398.383.641	315.971.296
<b>6. Thu nhập hoạt động khác</b>		
- Doanh thu ban đầu	184.344.305	480.685.467
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
- Doanh thu thuần	184.344.305	480.685.467
<b>Cộng</b>	<b>20.917.219.659</b>	<b>14.760.327.737</b>

**B.7.46. Doanh thu hoạt động tài chính**

Loại doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
3. Doanh thu dự thu cổ tức, phát sinh trong kỳ	248.214.805	161.214.944
<b>Cộng</b>	<b>248.214.805</b>	<b>161.214.944</b>

**B.7.47. Chi phí hoạt động**

7.47.1. Các loại chi phí hoạt động	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	6.905.700.168	(65.487.279)
+ Chi phí dự phòng	6.905.700.168	(65.487.279)
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.461.311.475	3.341.312.321
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	358.244.403	0
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	406.912.052	180.385.051



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

- Chi phí các dịch vụ tài chính khác	4.421.547.354	4.020.771.777
<b>Cộng</b>	<b>17.553.715.452</b>	<b>7.476.981.870</b>

**7.47.2. Chi phí khác ngoài chi phí các tài sản tài chính**

Các loại chi phí hoạt động khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	839.680.330	63.009.000
- Chi phí khác	455.804.031	1.133.996.875
<b>Cộng</b>	<b>1.295.484.361</b>	<b>1.197.005.875</b>

**B.7.50. Chi phí quản lý CTCK**

Loại chi phí quản lý CTCK	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Chi phí nhân viên quản lý	1.748.584.232	2.023.742.386
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	245.439.456	273.259.090
- Chi phí văn phòng phẩm	14.199.573	25.616.060
- Chi phí công cụ, dụng cụ	55.805.667	46.563.850
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.191.419.867	1.958.124.438
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	204.499.090	19.072.992
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.983.459.728	914.206.455
- Chi phí khác	392.279.730	1.587.928.115
<b>Cộng</b>	<b>5.835.687.343</b>	<b>6.848.513.386</b>

**B.7.51. Thu nhập khác**

Chi tiết thu nhập khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Nhượng bán, thanh lý tài sản	1.363.636	-
- Các khoản khác	2.273.399	39.189.373
<b>Cộng</b>	<b>3.637.035</b>	<b>39.189.373</b>

**B.7.52. Chi phí khác**

Chi tiết chi phí khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Tiền phạt vi phạm hành chính	125.000.000	-
- Các khoản khác	16.160.000	23.757.475
<b>Cộng</b>	<b>141.160.000</b>	<b>23.757.475</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**G. 49. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

49.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

49.2. Thông tin về các bên liên quan

49.2.1. Thông tin về các bên liên quan

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ninh Quang Hải	Thành viên Hội đồng quản trị

49.2.2. Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền (VND)	
		Năm nay	Năm trước
Ninh Quang Hải	Cho vay	1.650.000.000	1.350.000.000

49.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên các báo cáo: Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

49.4. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

**H. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CTCK**

H.50. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động CTCK

Chỉ số vốn khả dụng của tỷ lệ vốn hoạt động ròng (NCR) (Net operating Capital Ratio) -

Chỉ số vốn khả dụng của NCR là tỷ lệ đánh giá tình hình tài chính của CTCK.

$$\text{Tỷ lệ vốn hoạt động ròng (\%)} = \frac{49.237.021.575}{21.709.384.658} \times 100 = 226,80\%$$

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc

NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP



NGUYỄN THANH TUYỀN